

TỈNH BẠC LIÊU

Bản án số: 104/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30-8-2024

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA BÌNH – TỈNH BẠC LIÊU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Chí Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Võ Tấn Phước

+ Ông Huỳnh Tài Em

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Ông Trần Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 179/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024 về việc Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 67/QĐHPT-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lý Thị Linh S, Sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn:* Ông Thạch T, S1 năm 1973

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

(Bà S có đơn xin vắng mặt, ông T vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai của bà Lý Thị Linh S trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà Lý Thị Linh S và ông Thạch T tự nguyện chung sống vợ chồng năm 1999 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 08/02/1999. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau này từ năm 2015 thì vợ chồng có xảy ra bất đồng mâu thuẫn do tính tình không hợp, ông T không quan tâm đến gia đình thường xuyên bỏ nhà đi nơi khác ở, rồi ông lại về nhà chung sống với bà. Hiện bà và ông T đã sống ly thân từ tháng 10/2023 đến nay, Nên bà S yêu cầu xin được ly hôn ông Thạch T.

- Về con chung: Bà Lý Thị Linh S và ông Thạch T có 02 con chung là Thạch

Thị Kim C, sinh ngày 16/12/1999 và **Thạch Thị Hoa T1**, sinh ngày 28/10/2001 hiện các con đã trưởng thành sống tự lập, nên không yêu cầu nuôi dưỡng.

- Về tài sản và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

*** Bị đơn ông Thạch T trình bày:**

Từ khi Toà án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, ông **Thạch T** vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, ông **Thạch T** không có ý kiến hay yêu cầu gì về việc bà **S** khởi kiện, ông **Thạch T** không có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt. Các văn bản tố tụng của Tòa án đã được tổng đạt cho ông **Thạch T** hợp lệ.

Đại diện **Viên kiểm sát huyện H** phát biểu quan điểm:

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà **Lý Thị Linh S** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông **Thạch T** không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vắng mặt lần thứ 2 Toà án tổng đạt hợp lệ.

Đề nghị Hội đồng xét xử, xử vắng mặt bà **Lý Thị Linh S** và ông **Thạch T** như sau:

Áp dụng Khoản 1 Điều 56 Luật nhân gia đình năm 2014, đề nghị tuyên xử cho bà **Lý Thị Linh S** và ông **Thạch T** được ly hôn.

Về con chung: Ông **T** và bà **S** có 02 con chung là **Thạch Thị Kim C**, sinh ngày 16/12/1999 và **Thạch Thị Hoa T1**, sinh ngày 28/10/2001 các cháu đã trưởng thành sống tự lập. Nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

Áp dụng khoản 4 Điều 147, Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Bà **Lý Thị Linh S** phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bà **Lý Thị Linh S** có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình giải quyết về việc xin ly hôn; Tuy nhiên, giữa bà **Lý Thị Linh S** và ông **Thạch T** chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 đến ngày 08/02/1999 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; Do đó hôn nhân của ông **T** và bà **S** là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà **Lý Thị Linh S**. Hội đồng xét xử xác định quan hệ

tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết:* Bà **Lý Thị Linh S** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông **Thạch T** là bị đơn có nơi cư trú và nơi ở hiện tại, tại **ấp T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu**. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

[3] *Về sự vắng mặt của các đương sự:* Nguyên đơn bà **Lý Thị Linh S** và bị đơn ông **Thạch T** vắng mặt tại phiên tòa, riêng bà **S** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông **T** không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định điểm b khoản 2, Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] *Về nội dung tranh chấp:*

[4.1] Về hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của bà **Lý Thị Linh S**, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn của bà **S** và ông **T** phát sinh từ trước nhưng các bên vẫn không có biện pháp gì để khắc phục hàn gắn tình cảm, thực tế đã sống ly thân với nhau từ tháng 10/2023 đến nay. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho ông **Thạch T** nhưng ông **T** không đến Tòa án tham dự từ khi Tòa án thu lý vụ án đến khi mở phiên tòa xét xử đến lần thứ 2, điều này cho thấy ý chí của ông **T** không muốn hàn gắn mối quan hệ vợ chồng giữa ông **T** và bà **S**, mà tiếp tục sống ly thân, đã thể hiện không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **Lý Thị Linh S** đối với ông **Thạch T**.

4.2 Về con chung: Ông **T** và bà **S** có 02 con chung là **Thạch Thị Kim C**, sinh ngày 16/12/1999 và **Thạch Thị Hoa T1**, sinh ngày 28/10/2001 hiện các cháu đã đủ tuổi trưởng thành sống tự lập. Bà **S** không có yêu cầu nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4.3 Về tài sản và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí sơ thẩm:*

Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Bà **Lý Thị Linh S** phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] *Về ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:* Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên cần chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Khoản 1 Điều 56 Luật nhân gia đình năm 2014

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà **Lý Thị Linh S** đối với ông **Thạch T**. Xử cho bà **Lý Thị Linh S** được ly hôn với ông **Thạch T**.

2. Về con chung: Các con đã trưởng thành sống tự lập, không có yêu cầu. không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản nợ chung: Không có. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà **Lý Thị Linh S** phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ông **Thạch T** không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà **Lý Thị Linh S** đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0005486 ngày 28/05/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu. Nay chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu

;

- VKSND huyện Hòa Bình ;
- Chi cục THADS huyện Hòa Bình ;
- Đương sự;
- UBND thị trấn
- Lưu hồ sơ.

Phan Chí Tâm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA